

Bản án số: 71/2021/HS-ST
Ngày 12- 3 -2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu
2. Ông Trần Tuấn Hưởng

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Tuyền- Thư ký Toà án nhân dân TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bình Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lầu Mí L**, tên gọi khác: Nguyễn Đình T; Sinh ngày 28/02/1999; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn BM, xã ML, huyện YM, tỉnh Hà Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 2/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lầu Mí G, sinh năm 1976, con bà: Ly Thị D, sinh năm 1978; Vợ, con chưa có; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất;

- Tiền án: 01. (Tại Bản án số 08/2019/HSST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang xử phạt Lầu Mí L 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/6/2020).

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Tại Bản án số 09/2015/HSST ngày 22/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang xử phạt Lầu Mí L 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Tại Bản án số 28/2015/HSST ngày 29/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xử phạt Lầu Mí L 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù của cả hai bản án trên ngày 18/9/2018.

+ Tại Bản án số 77/2020/HSST ngày 25/12/2020 , của Tòa án nhân dân TP YB, tỉnh Yên Bái xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Ngày 30/7/2010 bị Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng

Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh YB trong vụ án khác từ ngày 26/8/2020, hiện đang thi hành án phạt tù theo Bản án số 77/2020/HSST ngày 25/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái tại Trại giam Hồng Ca -Bộ Công an; Địa chỉ: xã HK, huyện TY, tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Tráng Văn C**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 12/4/1997; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn BT, xã YC, huyện BM, tỉnh Hà Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 4/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Tráng Văn Q, sinh năm 1976, con bà: Tráng Thị E, đã chết; Vợ, con chưa có; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai;

- Tiền án: 04

+ Tại Bản án số 28/2015/HSST ngày 29/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xử phạt Tráng Văn C 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/01/2017.

+ Tại Bản án số 14/2017/HSST ngày 25/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố HG, tỉnh Hà Giang xử phạt Tráng Văn C 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/8/2017.

+ Tại Bản án số 02/2017/HSST ngày 03/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh HG xử phạt Tráng Văn C 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/05/2018.

+ Tại Bản án số 35/2019/HSST ngày 08/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Tráng Văn C 01 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/6/2020.

Bị cáo C chưa chấp hành án phí, các khoản truy thu của 04 bản án trên.

- **Tiền sự:** Không.

- Nhân thân:

+ Tại Bản án số 77/2020/HSST ngày 25/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh YB trong vụ án khác từ ngày 26/8/2020, hiện đang thi hành án phạt tù theo Bản án số 77/2020/HSST ngày 25/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái tại Trại giam Hồng Ca -Bộ Công an; Địa chỉ: xã HK, huyện TY, tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

*** Những người tham gia tố tụng khác:**

- Bị hại: Chùa KST(Chùa A)

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Như N, sinh năm 1999; tên gọi khác: Thích Đức P – Quyền Trụ trì chùa.

Địa chỉ: Tổ 4, phường Chùa A, TP TN, tỉnh Thái Nguyên.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Người làm chứng:**

+ Bà Lê Thúy Q (Lê Thị Thanh O), sinh năm 1953

Địa chỉ: Tổ 5, phường Chùa A, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị J, sinh năm 1958

Địa chỉ: Tổ dân phố TH, phường DB, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 17/7/2020, Lâu Mí L và Tráng Văn C đi xe khách từ thành phố TQ tới thành phố T nhằm mục đích tìm kiếm các khu đền, chùa để trộm cắp tài sản. Khoảng 14 giờ cùng ngày thì đến bến xe khách T, cả hai đi taxi đến khu vực phường TĐ để thuê nhà nghỉ (hiện không rõ nhà nghỉ nào). Sau đó, L và C đi bộ xung quanh khu vực phường TĐ nhưng không trộm cắp được tài sản gì. Sáng ngày 18/7/2020, tại nhà nghỉ, L sử dụng điện thoại di động tìm kiếm trên bản đồ Google xem tại khu vực thành phố T có đền chùa nào không thì thấy trên bản đồ hiện lên vị trí của 01 ngôi chùa tên là KST(tức Chùa A) tại khu vực phường Chùa A, thành phố T, cả hai bàn bạc sẽ đến Chùa A để trộm cắp T sản. Khoảng 9 giờ cùng ngày, L và C đi taxi đến khu vực gần Chùa A rồi thuê nhà nghỉ phía sau Chùa A, cách chùa khoảng 500m (hiện không rõ nhà nghỉ nào). Sau đó cả hai đi ăn rồi đi bộ xung quanh khu vực chùa để quan sát địa hình và tìm kiếm xem có tài sản gì sơ hở để trộm cắp. Cả hai đi quanh khu vực chùa thì thấy phía bên tay trái khu vực điện chính của chùa (nhìn từ cổng chính vào) có 01 tháp ngói uống trà, bên trong tháp có 01 hòm công đức sơn màu đỏ, có khóa bên ngoài, bên trong hòm có 01 chiếc kết sắt, cả hai nghĩ bên trong kết sắt có tiền nên L và C đã bàn bạc với nhau sẽ quay lại vào ban đêm để trộm tiền trong kết sắt. Khoảng 2 giờ ngày 19/7/2020, L và C trèo vào bên trong Chùa A theo lối tường rào bằng gạch, bên trên có dây thép gai nằm ở phía bên trái của cổng chính. Cả hai quan sát thấy không có người nên đi quanh khu vực chùa để tìm kiếm tài sản trộm cắp nhưng không trộm cắp được tài sản gì. Cả hai quay lại nơi để hòm công đức bên trong có chiếc kết sắt (đã nhìn thấy trước đó), L dùng điện thoại bật đèn flash soi qua khe đục đục phía bên trên đỉnh kết thấy bên trong có nhiều tiền nên cả hai tìm cách đục phá chiếc kết sắt để lấy tiền. Do không có công cụ để đục phá kết nên L và C trèo tường ra bên ngoài để tìm kiếm công cụ. Cả hai đi đến 01 công trường đang thi công ở gần vòng xuyến cạnh Chùa A, tại đây, C lấy được 01 con dao xây, 02 thanh sắt tròn, loại sắt phi 10, dài khoảng 80cm-100cm để đục phá kết sắt. Sau đó, cả hai quay lại Chùa A, trèo tường vào theo lối cũ rồi đến khu vực để chiếc kết sắt. L thấy hòm công đức không khóa mà chỉ treo khóa ở đó nên đã mở hòm công đức ra rồi cùng C khênh chiếc kết sắt xuống khu vực bậc lên xuống của tháp. C đứng cách L khoảng 10m để canh giới còn L dùng dao xây và thanh sắt đút vào khe trên đỉnh kết để cạy miệng khe rộng ra nhưng vẫn không lấy được tiền bên trong. L bảo C tìm vật gì đó để khều tiền ra thì C tìm được 01 cái chổi có cán bằng tre dài khoảng 1,6m đưa cho L. L cho cán chổi khều tiền ra gần miệng khe rồi dùng tay lấy tiền cho vào túi bằng vải mà L mang đi từ trước. Sau khi lấy trộm tiền xong, L vẫn để chổi tre cắm ở kết sắt và cùng C trèo qua bờ tường rào gần cổng chính ra ngoài và đi bộ về nhà nghỉ. Trên đường đi, L đã vứt con dao xây và 02 thanh sắt tròn

dùng để cạy phá kết (không rõ vút ở vị trí nào). Tại nhà nghỉ, L và C bỏ số tiền vừa lấy trộm được ra đếm thấy có tổng số tiền 5.300.000 đồng gồm các tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 100.000 đồng, 50.000 đồng, 20.000 đồng, 10.000 đồng, 5.000 đồng, 2.000 đồng và 1.000 đồng. L và C chia nhau mỗi người một nửa rồi cả hai bắt xe khách đi về HG luôn. Số tiền trộm cắp được, cả hai đã tiêu xài cá nhân hết.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định dấu vết đường vân thu giữ được trên hòm công đức (gồm 04 dấu vết đường vân ký hiệu A1, A2, A3, A4, so sánh với dấu vết đường vân của Lầu Mí L ký hiệu M1 và của Tráng Văn C ký hiệu M2). Tại bản kết luận giám định số 1393/KL-KTHS ngày 23/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận:

- Không đủ cơ sở kết luận dấu vân tay thu tại hiện trường (Ký hiệu A1) so với dấu vân tay in trên mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) có phải do cùng một người in ra hay không.

- Dấu vân tay thu tại hiện trường (Ký hiệu: A2, A3, A4) với dấu vân tay in trên mẫu so sánh (Ký hiệu M1) do cùng một người in ra.

- Dấu vân tay thu tại hiện trường (Ký hiệu A2, A3, A4) không trùng với dấu vân tay trên mẫu so sánh (Ký hiệu M2) cả về hình thức và vị trí tương ứng.

Vật chứng vụ án gồm: số tiền 5.300.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hiện không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Theo đại diện bị hại là ông Nguyễn Như N, số tiền nhà Chùa bị trộm cắp ngày 19/7/2020 tại Chùa A là khoảng 30.500.000 đồng, tuy nhiên việc xác định số tiền này chỉ dựa trên sổ sách ghi chép công đức, tiền làm lễ tại chùa, thực tế không xác định được chính xác số tiền ở trong kết sắt thời điểm đó là bao nhiêu tiền. Tuy nhiên ông Nguyễn Như N không yêu cầu Lầu Mí L và Tráng Văn C phải bồi thường số tiền bị mất trộm.

Đối với chiếc kết sắt bị đục phá, qua định giá xác định giá trị thiệt hại của tài sản là 2.300.000 đồng, tuy nhiên ông N cũng không yêu cầu L và C phải bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKSTPTN ngày 20/01/2021 Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Lầu Mí L và Tráng Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T đã thay đổi quan điểm về việc truy tố đối với bị cáo Lầu Mí L, chuyển từ truy tố theo điểm g khoản 2 Điều 173 sang truy tố theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Tráng Văn C, đại diện Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng đã nêu.

Sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lầu Mí L và Tráng Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Lầu Mí L từ 18 đến 24 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp

hình phạt với Bản án số 77/2020/HSST ngày 25/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Tráng Văn C từ 30 đến 36 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt với Bản án số 77/2020/HSST ngày 25/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái, buộc bị cáo Tráng Văn C phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền đã trộm cắp và giá trị chiếc kết sắt bị phá hỏng nên không xem xét giải quyết.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo Lầu Mí L và Tráng Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

Trong phần lời nói sau cùng, các bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Khoảng 02 giờ ngày 19/7/2020, tại Chùa A thuộc tổ 4, phường Chùa A, thành phố T, Lầu Mí L và Tráng Văn C có hành vi đục phá kết sắt dựng tiền công đức của Chùa A, lấy trộm số tiền 5.300.000đ. Cả hai chia nhau mỗi người một nửa số tiền trộm cắp được (mỗi bị cáo 2.650.000đ) và đã tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lầu Mí L và Tráng Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với Biên bản sự việc, đơn trình báo, đặc điểm loại tài sản chiếm đoạt, biên bản định giá tài sản và lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng, vật chứng đã thu được và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Bị cáo Lầu Mí L phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm, bị cáo Tráng Văn C phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, do vậy, việc truy tố để xét xử bị cáo L theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo C để xét xử theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 173 Bộ luật hình sự như sau:

“1. Người nào trộm cắp T sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến ba năm.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

g, Tái phạm nguy hiểm”.

[2]. Về vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, cả hai bị cáo cùng cố ý thực hiện hành vi phạm tội với vai trò như nhau.

Cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu, đã bị xét xử nhiều lần về cùng loại tội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Bị cáo Lầu Mí L có 01 tiền án: Tại bản án số 08/2019/HSST ngày 28/6/2019 Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang, bị cáo bị xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/6/2020, bản án này chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, do đó, bị cáo Lầu Mí L phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Bị cáo Tráng Văn C có 04 tiền án nên bị truy tố theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự (thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm), do vậy, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Với những phân tích trên cho thấy, mặc dù các bị cáo đã bị xét xử nhiều lần về tội trộm cắp tài sản, sau những lần chấp hành hình phạt tù của các bản án trước, khi trở về địa phương, các bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở thành công dân tốt mà còn tiếp tục phạm tội. Điều đó chứng tỏ các bị cáo coi thường pháp luật, do đó khi lượng hình cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, buộc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Bản án số 77/2020/HSST ngày 25/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái đã có hiệu lực pháp luật nên cần áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 thì ngoài hình phạt chính, các bị cáo có thể bị phạt bổ sung bằng tiền, tuy nhiên, xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt, đại diện bị hại là ông Nguyễn Như N không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền trộm cắp và giá trị chiếc kết sắt mà các bị cáo phá hỏng, do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về vật chứng: Số tiền 5.300.000đ các bị cáo đã tiêu xài hết, bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền này, do đó cần truy thu sung

quỹ nhà nước số tiền 5.300.000đ do các bị cáo phạm tội mà có. Cụ thể mỗi bị cáo phải nộp ngân sách nhà nước số tiền 2.650.000đ.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về điều luật áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ. Về hình phạt, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát đối với bị cáo L là phù hợp, tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo L. Tuy nhiên, mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo Tráng Văn C có phần chưa đủ nghiêm khắc.

[5]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; bị hại và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Lầu Mí L và bị cáo Tráng Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự;

+ Xử phạt: Lầu Mí L 24 (hai mươi tư) tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp với 05 năm tù tại Bản án số 77/2020/HSST ngày 25/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái, buộc bị cáo L phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2020.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự;

+ Xử phạt: Tráng Văn C 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp với 04 năm 06 tháng tù tại Bản án số 77/2020/HSST ngày 25/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2020.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 5.300.000đ (năm triệu ba trăm nghìn đồng) do các bị cáo phạm tội mà có. Cụ thể, bị cáo Lầu Mí L và bị cáo Tráng Văn C mỗi bị cáo phải nộp số tiền 2.650.000đ (Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án, buộc bị cáo Lầu Mí L và bị cáo Tráng Văn C mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TPTN;
- VKSND tỉnh TN;
- TTG Công an tỉnh TN;
- Công an TPTN;
- Trại giam HC- Bộ CA;
- Chi cục THADS TPTN;
- TAND tỉnh TN;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- UBND xã ML, H. YM, T.Hà Giang;
- UBND xã YC, H.BM, T.Hà Giang;
- Các Bị cáo; Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã Ký

Vũ Thị An